

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 02 - 2021

“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Mên
2. Ông Nguyễn Tấn Sĩ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Dương Thị Mỹ T, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Tr, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**- Bị đơn:** Trần Văn M, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Tr, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2020, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Dương Thị Mỹ T trình bày và có yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2010 chị Dương Thị Mỹ T và anh Trần Văn M tự nguyện xác lập hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn luôn xảy ra bất hòa, cãi vã không tin tưởng nhau về chi tiêu tiền trong gia đình, xảy ra nhiều lần và ngày càng gay gắt nên chị T về nhà cha mẹ ruột sống

từ tháng 6 năm 2020 đến nay mà không hàn gắn được. Do đó, chị T thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn M.

- Về nuôi con tên: Trần Dương Minh H, sinh ngày 23/8/2010 và Trần Dương Minh Th, sinh ngày 29/3/2013, hiện chị T đang nuôi dưỡng nên chị T yêu cầu được quyền nuôi con khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị T không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu nào khác.

*Bị đơn Trần Văn M vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh M có lời khai như sau:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Dương Thị Mỹ T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống giữa anh và chị T có mâu thuẫn nhiều lần cãi vã qua lại với nhau nhưng mâu thuẫn không lớn nên không đồng ý ly hôn với chị T, yêu cầu được hàn gắn.

- Về nuôi con tên: Trần Dương Minh H, sinh ngày 23/8/2010 và Trần Dương Minh Th, sinh ngày 29/3/2013. Anh M đồng ý để tùy theo nguyện vọng của các con muốn sống với cha hoặc mẹ, anh không tranh chấp.

- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh M không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu khác.

*Lời phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên việc chấp hành pháp luật của anh Trần Văn M là chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T ly hôn với anh M. Giao con chung tên Trần Dương Minh H, sinh ngày 23/8/2010 và Trần Dương Minh Th, sinh ngày 29/3/2013 cho chị T được quyền nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và số nợ phải thu phải trả các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm buộc chị T phải nộp 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án huyện Cầu Ngang nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Xét thấy anh Trần Văn M là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định pháp luật.

**[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Xét đơn của chị Dương Thị Mỹ T khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn M và yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp giải quyết luật là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

**[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:**

- *Về hôn nhân:* Xét thấy giữa chị Dương Thị Mỹ T và anh Trần Văn M chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã Tr, huyện C đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị T và anh M là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T khai quá trình chung sống giữa chị T và anh M luôn xảy ra bất hòa, cãi vã do anh M không tin tưởng về việc chi tiêu tiền trong gia đình, chị T có nhiều lần giải thích nhưng giữa anh chị không hòa thuận được mà mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên chị T về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống riêng giữa chị T và anh M có tạo điều kiện để hàn gắn nhưng không có kết quả.

Đối với anh Trần Văn M đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, anh M có nộp bản tự khai yêu cầu được hàn gắn do mâu thuẫn không lớn, anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên từ khi nhận được thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện để hàn gắn nhưng nhiều lần anh M không đến tham dự phiên hòa giải mà không có lý do nên không tiến hành hòa giải được và xét thấy việc vắng mặt của anh M thể hiện không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị T.

Qua đó, xét mâu thuẫn giữa chị T và anh M phát sinh từ đầu năm 2020 đến nay thì giữa anh chị không còn tin tưởng, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không tạo điều kiện hàn gắn lại và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn với anh M. Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa chị T và anh M ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- *Về nuôi con:* Chị T yêu cầu được quyền nuôi con tên Trần Dương Minh H, sinh ngày 23/8/2010 và Trần Dương Minh T, sinh ngày 29/3/2013. Quá trình giải quyết Minh H và Minh Th có nguyện vọng sống chung với mẹ là Dương Thị Mỹ T và anh M có ý kiến đồng ý để tùy theo nguyện vọng của các con, không tranh chấp về việc nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao các chung tên Trần Dương Minh H và Trần Dương Minh Th cho

chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con theo nguyện vọng và phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết các đương sự không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Buộc chị Dương Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

**[5]** Xét trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị Mỹ T.

- *Về hôn nhân:* Cho chị Dương Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Văn M.

- *Về nuôi con:* Giao chị Dương Thị Mỹ T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Dương Minh H, sinh ngày 23/8/2010 và Trần Dương Minh Th, sinh ngày 29/3/2013 khi ly hôn.

Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Dương Thị Mỹ T phải nộp 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000<sup>d</sup> tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002698, ngày 12 tháng 11 năm 2020 do chị T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Dương Thị Mỹ T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Trần Văn M vắng mặt tại phiên toà nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**